

Phụ lục XI
BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÚK
(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Giá đất trồng lúa nước 2 vụ:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh
1	Thị trấn Pong Drang	22.000
2	Xã Cư Pong	20.000
3	Xxã Ea Sin	17.000
4	Xã Ea Ngai	20.000
5	Xã Chứ Kbô	20.000
6	Xã Tân Lập	20.000
7	Xã Cư Né	20.000

Ghi chú: Đối với đất trồng lúa nước 01 vụ, giá đất được tính bằng 70% đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

2. Giá đất trồng cây hàng năm khác:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh		
		Vt1	Vt2	Vt3
1	thị trấn Pong Drang	45.000	35.000	28.000
2	xã Cư Pong	28.000	25.000	23.000
3	xã Ea Sin	25.000	23.000	-
4	xã Ea Ngai	35.000	32.000	
5	xã Chứ Kbô	35.000	32.000	30.000
6	xã Tân Lập	32.000	28.000	25.000
7	xã Cư Né	32.000	28.000	25.000

2.1. Xã Pong Drang

- Vị trí 1: Thôn Tân Lập 2, Tân Lập 3, Tân Lập 4, Tân Lập 5, Tân Lập 6, Tân Lập 7, thôn 8, thôn 9, thôn 8A, thôn 9A
- Vị trí 2: thôn 7, thôn 10, thôn 12, thôn 13, thôn 14, thôn 15
- Vị trí 3: Các khu vực sản xuất còn lại

2.2. Xã Chứ K'bô

- Vị trí 1: Thôn Nam Lộc, thôn Nam Thái, thôn Nam Tân, thôn Hòa Lộc, thôn Thống Nhất, thôn An Bình, thôn Quảng Hà, thôn KTy 5, thôn KTy 4, thôn KTy 3, thôn KTy 2, thôn KTy 1.

- Vị trí 2: Thôn Nam Anh, thôn Bình Minh, thôn Liên Hóa.

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.3. Xã Cư Né

- Vị trí 1: Thôn Ea Kung, thôn Ea Plai, thôn Ea Nguôi, thôn Ea Kroa, thôn 6, buôn Đrao, buôn KTong Drun, buôn Mùi 1, buôn Mùi 2, buôn Kdrô 1, buôn Kdrô 2.

- Vị trí 2: thôn Ea Siêr, thôn Ea Krôm, buôn Kmu, buôn Kô, buôn Drah 1, buôn Drah 2, buôn Ea Zin

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.4. Xã Cư Pong

- Vị trí 1: Buôn Đray Huê, buôn KBuôr, buôn Ea Brơ; buôn Cư HRIết; buôn Ea Druich; thôn Cư Bang.

- Vị trí 2: Buôn Ea Liang, buôn Ayun Ea Klôk, buôn Khal, buôn Xóm A, buôn TLan, buôn Cư Yuôt, buôn Ea Kram, buôn Cư Hiam, buôn Ea Tuk, buôn Ea Dho.

- Vị trí 3: buôn Kđoh, buôn Adrong Diết

2.5. Xã Tân Lập

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn Tân Hòa, thôn Tân Thịnh

- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 3, thôn 4

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.6. Xã Ea Ngai

- Vị trí 1: thôn 2, thôn 3, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 6, thôn 7, thôn 8

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2.7. Xã Ea Sin

- Vị trí 1: Buôn Ea Kring, buôn Ea Káp, Ea Klang, thôn Ea My;

- Vị trí 2: Buôn Ea Pông, buôn Ea Sin, buôn Cư Khanh, Cư M'Tao;

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Giá đất trồng cây lâu năm:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất đề chỉnh		
		Vt1	Vt2	Vt3
1	thị trấn Pong Drang	58.000	48.000	43.000
2	xã Cư Pong	38.500	35.200	33.000
3	xã Ea Sin	33.000	30.800	-
4	xã Ea Ngai	48.000	43.000	

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất đề chỉnh		
		Vt1	Vt2	Vt3
5	xã Chư Kbô	50.000	48.000	45.000
6	xã Tân Lập	50.000	45.000	42.000
7	xã Cư Né	50.000	45.000	42.000

3.1. Xã Pong Drang

- Vị trí 1: Thôn Tân Lập 2, Tân Lập 3, Tân Lập 4, Tân Lập 5, Tân Lập 6, Tân Lập 7, thôn 8, thôn 9, thôn 8A, thôn 9A
- Vị trí 2: Vị trí 2: thôn 7, thôn 10, thôn 12, thôn 13, thôn 14, thôn 15
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.2. Xã Chư K'bô

- Vị trí 1: Thôn Nam Lộc, thôn Nam Thái, thôn Nam Tân, thôn Hòa Lộc, thôn Thống Nhất, thôn An Bình, thôn Quảng Hà, thôn KTy 5, thôn KTy 4, thôn KTy 3, thôn KTy 2, thôn KTy 1.
- Vị trí 2: Thôn Nam Anh, thôn Bình Minh, thôn Liên Hóa.
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.3. Xã Cư Né

- Vị trí 1: Thôn Ea Kung, thôn Ea Plai, thôn Ea Nguôi, thôn Ea Kroa, thôn 6, buôn Đrao, buôn K Tong Drun, buôn Mùi 1, buôn Mùi 2, buôn Kdrô 1, buôn Kdrô 2.
- Vị trí 2: thôn Ea Siêr, thôn Ea Krôm, buôn Kmu, buôn Kô, buôn Drah 1, buôn Drah 2, buôn Ea Zin.
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.4. Xã Cư Pong

- Vị trí 1: Buôn Đray Huê, buôn Ea Bơ, buôn Ayun Ea Liang, buôn Ayun Ea Klôk, buôn Ea Druich, thôn Cư Bang, buôn Cư Hriết, buôn Cư Yuôt.
- Vị trí 2: buôn Khal, buôn Xóm A, buôn T Lan, buôn Ea Dho, buôn ADrông Điết, buôn Ea Kram, buôn Cư Hiam, buôn Kbuôr.
- Vị trí 3: buôn Kđoh, buôn Ea Tuk.

3.5. Xã Tân Lập

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn Tân Hòa, thôn Tân Thịnh
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 3, thôn 4
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.6. Xã Ea Ngai

- Vị trí 1: Thôn 2, thôn 3, thôn 9.
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 6, thôn 7, thôn 8
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3.7. Xã Ea Sin

- Vị trí 1: Buôn Ea Kring, buôn Ea Káp, Ea Klang, thôn Ea My.

- Vị trí 2: Buôn Ea Pông, buôn Ea Sin, buôn Cư Khanh, Cư M' Tao.
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Giá đất rừng sản xuất:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất điều chỉnh
1	thị trấn Pong Drang	12.000
2	xã Cư Pong	12.000
3	xã Ea Sin	11.000
4	xã Ea Ngai	11.000
5	xã Chư Kbô	20.000
6	xã Tân Lập	20.000
7	xã Cư Né	12.000

5. Giá đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Giá đất đề xuất điều chỉnh		
		Vt1	Vt2	Vt3
1	thị trấn Pong Drang	30.000	25.000	-
2	xã Cư Pong	21.000	18.000	-
3	xã Ea Sin	18.000	16.000	-
4	xã Ea Ngai	30.000	25.000	-
5	xã Chư Kbô	30.000	25.000	-
6	xã Tân Lập	25.000	22.000	-
7	xã Cư Né	21.000	18.000	-

6. Giá đất ở tại nông thôn:

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Xã Chư Kbô			
1	Dọc QL14	Gianh giới TT xã Pong Drang	Hết ranh giới thửa đất bãi Vật liệu	1.105.000
		Hết ranh giới thửa đất bãi vật liệu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Thuận (thửa số 15. tờ bản đồ 77	1.330.000
	Dọc QL14	Hết ngã ba đường đi	Hết ngã ba đường vào	1.320.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		vào đài tưởng niệm công thôn Kty	xã Cư Pong (Km57)	
		Hết ngã ba đường vào xã Cư Pong (Km57)	Hết ranh giới thôn Nam Thái cầu Krông Búk (giáp ranh giới xã Cư Né	1.320.000
2	Đường lên trụ sở UBND xã Chư K'bô	Tiếp giáp Quốc Lộ 14	Hết ngã ba nhà ông Hoà (thửa đất 4. TĐĐ số 74) và hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Chư K'bô	312.000
	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường lên Trường Phan Bội Châu - thôn Nam Anh	Tiếp giáp Quốc Lộ 14	Hết ranh giới thửa đất Trường Phan Bội Châu	288.000
	Đường đi vào Trường THCS Hai Bà Trưng	Tiếp giáp Quốc lộ 14 – Từ đường N6	Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Hai Bà Trưng	312.000
	Đường giao thông liên thôn (đoạn từ ngã ba đi Nông trường cao su Chư K'bô)	Tiếp giáp Quốc Lộ 14	Lô cao su Nông trường Chư K'bô	576.000
	Đường giao thông liên thôn Ea Nho	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết thửa đất của hộ ông Hoàng Đình Đàm (thửa đất số 37. tờ bản đồ số 29)	168.000
3	Đường song song Quốc lộ 14 (thôn Nam Anh) - Xã Chư K'bô	Hết ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Chư K'bô	Hết ranh giới thửa đất Trường Phan Bội Châu	288.000
4	Đường giao thông liên thôn An Bình (Đoạn từ Cầu đến Trụ sở NT Cao Su) - Xã Chư K'bô	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Sơn (thửa đất 62. TĐĐ số 91)	Hết ranh giới đất Trụ sở NT Cao su Chư K'bô	650.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Tân (thửa đất 62. TĐĐ số 95)	Hết thửa đất nhà ông Thắng (thửa đất 161. tờ bản đồ 92)	650.000
	Đường giao thông liên thôn Hòa Lộc (Đường tiếp giáp trụ sở NT cao su Chư K'bô) - Xã	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Thắng (thửa đất 198. TĐĐ số 92	Giáp lô cao su của thôn Hoà Lộc	550.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Chức K'bô			
5	Đường giao thông liên thôn Quảng Hà (từ cổng thôn về phía trạm xá) - Xã Chức K'bô	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Tiến (thửa đất 17. TĐĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Minh (thửa đất 74. TĐĐ số 96)	450.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thửa đất 1. TĐĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (thửa đất 75. TĐĐ số 96)	450.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thửa đất 1. TĐĐ số 103)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nghĩa (thửa đất 39. TĐĐ số 95)	450.000
	Đường giao thông - thôn Thống Nhất - Xã Chức K'bô	Đầu cầu NT Cao Su	Hết lô cao su của thôn Thống Nhất	450.000
	Đường đi vào Trường THCS Hai Bà Trưng (thôn Nam Lộc) - Xã Chức K'bô	Giáp ranh giới thôn Nam Tân	Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Trung (thửa đất 82. TĐĐ số 40)	450.000
6	Khu dân cư thôn Bình Minh			150.000
7	Khu dân cư thôn Liên Hoá			150.000
8	Khu dân cư thôn Tân Lập			150.000
9	Khu dân cư thôn Kim Phú			150.000
10	Khu dân cư thôn Hợp Thành			150.000
11	Khu dân cư thôn Trung Lộc			200.000
12	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty I			250.000
13	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty II			250.000
14	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty			250.000
15	Khu dân cư còn lại của thôn K'Ty V			250.000
16	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Anh			250.000
17	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Thái			200.000
18	Khu dân cư còn lại của thôn Nam Tân			250.000
19	Khu dân cư còn lại thôn An Bình			300.000
20	Khu dân cư còn lại của thôn Thống Nhất			200.000
21	Khu dân cư còn lại thôn Quảng Hà			250.000
22	Khu dân cư còn lại của thôn Hoà Lộc			250.000
23	Khu dân cư còn lại của buôn Ea Nho			150.000
II	Xã Tân Lập			
1	Quốc lộ 29	Từ cầu Rô si	Đến cầu Rô si + 200m	2.400.000
		Từ cầu Rô si + 200m	Đường vào thôn Tân Hòa	1.700.000
		Đường vào thôn Tân Hòa	Giáp ranh giới huyện Krông Năng	2.000.000
2	Đường Liên xã	Tiếp giáp QL 29	Hội trường thôn 3	300.000
		Hội trường thôn 3	Đến suối Krông Buk giáp ranh giới thị trấn	330.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			Pong drang	
3	Đường khu vực còn lại trong khu đầu giá(thôn 2)			540.000
4	Khu vực còn lại			180.000
III	xã Ea Sin			
1	Đường giao thông liên xã đi vào xã Ea Sin	Từ ngã ba buôn Ea Káp	Nhà văn hóa buôn Ea Kring	200.000
		Nhà văn hóa buôn Ea Kring	Đất bà H Hoang Niê (Ngã ba trung tâm xã)	180.000
2	Đường giao thông đi vào xã Ea Sin	Đường đi thôn Ea My (Giáp ranh giới xã Cư Pong)	Nhà văn hóa buôn Cư Mtao	180.000
		Nhà văn hóa buôn Cư Mtao	Cầu Ea Sin	150.000
3	Khu vực còn lại của xã Ea Sin			80.000
4	Đường giao thông liên thôn	Giáp ranh giới xã Cư Né. thửa đất ông Y Giet Ksor (thửa đất số 37. tờ bản đồ số 27)	Ngã ba buôn Ea Káp - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Huỳnh Văn Nam (thửa đất số 36. tờ bản đồ số 23)	200.000
IV	Xã Cư Né			
1	Hai bên QL 14 (từ phía huyện Krông Buk về phía huyện Ea H'leo)	Hết ngã ba đi Cư Pong	Cầu Krông Búk (QL 14 mới)	1.320.000
		Cầu Krông Búk (QL 14 mới)	Hết ranh giới thửa đất trường Phan Chu Trinh (ngã ba buôn Drăh)	1.560.000
		Hết ranh giới thửa đất trường Phan Chu Trinh	Hết Km 68 (giáp huyện Ea H'Leo)	1.200.000
2	Các đường tiếp giáp với Quốc lộ 14			
2.1	Đường đi cầu buôn Drăh	Giáp QL 14 (đoạn km 62)	Hết cầu buôn Drăh	288.000
		Hết cầu buôn Drăh	Giáp ranh giới xã Ea Toh. huyện Krông Năng	220.000
2.2	Đường đi Đập buôn Dhiă	Từ giáp QL 14 (đoạn km 62.5)	Hết đập buôn Dhiă	240.000
2.3	Đường vào thôn Ea Nguôi	Từ giáp QL 14 (đoạn km 68)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đoái - thôn Ea Nguôi	528.000
2.4	Đường vào xã Cư Pong	Từ giáp QL 14 (đoạn km 57)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Trung (thửa đất 85. TBĐ số 171)	780.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Trung (thửa đất 85. TBĐ số	Giáp xã Cư Pong	360.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		171)		
2.5	Đường đi vào buôn Ea Kroa	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Trường THCS Phan Chu Trinh	432.000
		Trường THCS Phan Chu Trinh	Hết ranh giới thửa đất 13. TBĐ số 83	198.000
2.6	Đoạn km 65 đi vào xã Ea Sin	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới thửa đất nhà cô Hoài (thửa đất 35. TBĐ số 103)	288.000
2.7	Đường vào Buôn Drao	Từ Quốc lộ 14 (từ Km 63.5)	Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	180.000
		Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	Hết ranh giới thửa đất 57. TBĐ số 121	180.000
2.8	Đường vào trường dân tộc nội trú	Từ Quốc lộ 14	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Văn Cừ	270.000
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Hết ranh giới thửa đất số 08. tờ 169	270.000
3	Đường Quốc lộ 14 cũ đã bàn giao cho địa phương quản Lý (Đường vào cơ quan quân sự huyện)	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết cơ quan quân sự	432.000
4	Đường Quốc lộ 14 cũ đã bàn giao cho địa phương quản Lý	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Y Thiu Niê (Thửa 20. tờ 106)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ma Zu (Thửa 94. tờ 104)	270.000
5	Đường Song Song với Quốc lộ 14			
5.1	Đường Buôn Kđrô 2	Ngã ba cổng chào trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Hết thửa đất số 43. tờ 155	270.000
5.2	Đoạn từ tiếp giáp đường vào xã Cư Pong (Km57) đến giáp cơ quan quân sự huyện	Dãy 1		
		Dãy 2		
6	Khu tái định cư thôn 6			720.000
7	Khu vực còn lại			120.000
V	Xã Ea Ngai			0
1	Đường Tỉnh lộ 8	Từ suối đá (giáp huyện Cư M'gar)	Đầu cầu buôn Tâng Mai	660.000
2	Đường đi công ty cà phê 15 (từ cụm công nghiệp Krông Buk đi Công ty cà phê 15)	Từ cụm công nghiệp Krông Buk (giáp xã Pong Drang)	Ngã tư đường tránh tây	845.000
		Ngã tư đường tránh tây	Hết ranh giới xã Ea Ngai (giáp ranh giới huyện Cư M'gar)	576.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Đường giao thông liên thôn	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bùi Sơn (thửa đất 01. TĐĐ số 85)–Cổng chào thôn 4	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12. TĐĐ số 79	180.000
		Giáp ranh giới thửa đất cây xăng Hồng Tuệ	Thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12. TĐĐ số 79	300.000
		Ngã ba thôn 3 - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Lê Văn Hải (thửa đất 34.tbd số 70)	Tiếp giáp thửa đất nhà ông Trịnh Hồng Diệu	360.000
		Thửa đất nhà ông Nguyễn Hồng Sơn (thửa đất số 12. TĐĐ số 79)	Ngã ba thôn 3 - Tiếp giáp thửa đất nhà ông Lê Văn Hải (thửa đất 34.tbd số 70)	300.000
		Cầu Ea Tút bắt đầu từ thửa đất ông Hoàng Xuân Tảng (thửa đất số 193. TĐĐ số 30)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Minh Quy (thửa đất số 14. TĐĐ số 66)	350.000
		Ngã ba thôn 3 - Thửa ông Lê Văn Hải (thửa đất 34. TĐĐ số 70	Ngã tư đường nhà ông Nguyễn Thế Ngọc (thửa đất 15. tbd số 79)	180.000
4	Khu vực còn lại			150.000
VI	xã Cư Pong			
1	Đường Km 57 vào UBND xã Cư Pong (đường QL 14 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 cũ	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tài (thửa đất 24. TĐĐ số 16)	648.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Tài (thửa đất 24. TĐĐ số 16)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Chung Mlô (thửa đất 09. TĐĐ số 14)	308.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Chung Mlô (thửa đất 09. TĐĐ số 14)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Huyền Adong (thửa đất 112. TĐĐ số 97)	504.000
		Hết ranh giới hộ ông Y Huyền Adrong (thửa đất số 113. TĐĐ 97)	Đến hết ranh giới thửa đất nhà ông Dũng Hoài (thửa đất số 74. TĐĐ 95)	432.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Dũng Hoài (thửa đất số 74. TĐĐ 95)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Y Rung Niê (thửa đất số 03. TĐĐ 95)	504.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		Hết ranh giới hộ ông Y Huyền Ađrong (thửa đất số 113. TBD 97)	Hết ranh giới trường La Văn Cầu	576.000
		Hết ranh giới trường La Văn Cầu	Hết cầu suối Ea Súp	264.000
		Hết cầu suối Ea Súp	Thửa đất 79. TBĐ số 109	390.000
		Ngã ba trường mẫu giáo Hoa Phong Lan (nhà ông Tài)	Đi về ngã ba trung tâm xã	480.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà bà H Jun Niê (thửa đất số 20. TBD 110)	Hết thửa đất nhà ông Ngô văn Nhân (số thửa 200. TBĐ 108)	420.000
2	Đường km 57 vào xã Cư Pong (đường Q1 14 cũ) đi vào xã Ea Sin	Hết ranh giới nhà ông Y Rung Niê (thửa đất số 03. TBD 95)	Đến hết thửa nhà bà H Luyn Niê (thửa đất số 19. TBĐ 12)	240.000
3	Đường đi Công ty cà phê 15	Giáp xã Ea Ngai	Hết ngã ba đi Cư Pong	576.000
		Hết ngã ba đường vào Cư Pong	Hết ngã ba buôn Cư Yuôt (đi huyện Cư M'gar)	576.000
		Hết ngã ba đường vào Cư Pong	Đầu ngã ba đường vào buôn Kbuôr (Trung tâm văn hóa cộng đồng xã Cư Pong)	240.000
		Đầu ngã ba đường vào buôn Kbuôr (Trung tâm văn hóa cộng đồng xã Cư Pong)	Đầu ranh giới đất Trụ sở UBND xã Cư Pong	420.000
4	Đường giao thông (từ Trụ sở UBND xã Cư Pong đi xã Ea Sin)	Đầu ranh giới đất Trụ sở UBND xã Cư Pong	Hết ranh giới thửa đất Trường Phạm Hồng Thái	648.000
		Hết ranh giới thửa đất Trường Phạm Hồng Thái	Ngã tư đường vào xã Ea Sin (nhà Nay Soát. thửa đất 11. TBĐ số 42)	440.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà Nay Soát (thửa đất 11. TBĐ số 42)	Giáp xã Ea Sin	198.000
5	Khu vực còn lại			120.000

7. Giá đất ở tại đô thị:

ĐVT: đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thị trấn Pong Drang			
1	Dọc hai bên QL 14 (từ giáp ranh giới thị xã Buôn Hồ về huyện Ea H'leo)	Giáp ranh giới phường Đạt Hiếu của thị xã Buôn Hồ	Hết ranh giới đất của trụ sở UBND xã Pong Drang (cũ)	5.400.000
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã Pong Drang (cũ)	Hết Ngã ba cống tổ dân phố 5 (thôn Tân Lập 6 cũ)	6.750.000
		Hết Ngã ba cống tổ dân phố 5 (cổng Tân Lập 6 cũ)	Hết ngã ba đường Tỉnh lộ 8	9.750.000
		Hết ngã ba đường Tỉnh lộ 8	Cổng văn hóa tổ dân phố 9 (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết - thửa đất 235. TĐĐ số 63) (thôn 9 cũ)	5.850.000
	Dọc hai bên QL 14 (từ giáp ranh giới thị xã Buôn Hồ về huyện Ea H'leo)	Cổng văn hóa tổ dân phố 9 (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết - thửa đất 235. TĐĐ số 63) (thôn 9 cũ)	Hết ngã ba đường vào hội trường tổ dân phố 12 (nhà ông Nghiêm Nhiều - thửa đất 32. TĐĐ số 56) (thôn 13 cũ)	6.750.000
		Hết ngã ba đường vào hội trường tổ dân phố 12 (nhà ông Nghiêm Nhiều - thửa đất 32. TĐĐ số 56) (thôn 13 cũ)	Hết ngã ba đường vào Trường dạy nghề	6.300.000
		Hết ngã ba đường vào Trường dạy nghề	Hết ngã ba đường Tránh Tây (TX Buôn Hồ)	2.750.000
		Hết ngã ba đường Tránh Tây (TX Buôn Hồ)	Giáp xã Chư Kbô	1.870.000
2	Đường Tỉnh lộ 8	Ngã ba QL 14	Ngã ba QL 14+150m	4.680.000
		Ngã ba QL 14 + 150m	Ngã ba QL 14+300m	3.120.000
		Ngã ba QL 14 + 300m	Ngã ba QL 14+500m	2.040.000
		Ngã ba QL 14 + 500m	Ngã ba QL 14+1000m	1.320.000
		Ngã ba QL 14 + 1000m	Ngã ba QL 14+2000m	900.000
		Ngã ba QL 14 + 2000m	Cầu buôn Tâng Mai	650.000
3	Đường đi Công ty cà phê 15	Ngã ba QL 14	Giáp ranh giới xã Ea Ngai	1.170.000
Các đường tiếp giáp QL 14				
4	Đoạn từ giáp phường Đạt Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang (cũ)	Từ QL 14	QL 14 + 100m	864.000
		QL 14 + 100m	QL 14 + 300m	600.000
		QL 14 + 300m	QL 14 + 500m	432.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Đoạn từ hết trụ sở xã Pong Drang (cũ) đến hết ngã ba công tổ dân phố 5 (thôn Tân Lập 6)	Từ QL 14	QL 14 + 100m	1.080.000
		QL 14 + 100m	QL 14 + 300m	864.000
		QL 14 + 300m	QL 14 + 500m	576.000
	Đoạn từ hết ngã ba công tổ dân phố 5 đến hết ngã ba đường Tỉnh lộ 8 (trừ đường Tỉnh lộ 8)	Từ QL 14	QL 14 + 100m	1.440.000
		QL 14 + 100m	QL 14 + 300m	960.000
		QL 14 + 300m	QL 14 + 500 m	660.000
	Từ hết ngã ba Tỉnh Lộ 8 đến công văn hóa tổ dân phố 9 (Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa đất 235. TBD số 63)	Từ QL 14	Quốc lộ 14 + 100m	1.080.000
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	864.000
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	576.000
	Công văn hóa tổ dân phố 9 (thôn 9 cũ Nhà ông Nguyễn Văn Thuyết thửa đất 235. TBD số 63) đến đường vào hội trường tổ dân phố 12 (nhà bà Ông Nghiêm Nhiều. thửa đất 32. TBD số 56)	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	600.000
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	420.000
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	360.000
	Ngã ba đường vào hội trường tổ dân phố 12 (nhà ông Nghiêm Nhiều thửa đất 32. TBD số 56) đến đường vào trường dạy nghề	Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 + 100m	744.000
		Quốc lộ 14 + 100m	Quốc lộ 14 + 300m	600.000
		Quốc lộ 14 + 300m	Quốc lộ 14 + 500m	444.000
	Các đường song song với Quốc lộ 14			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	Đoạn từ giáp ranh phường Đạt Hiếu đến hết trụ sở UBND xã Pong Drang (cũ)	Dãy 1		624.000
		Dãy 2		480.000
		Từ nhà ông Lê Văn Sắc (thửa đất 90. TBĐ số 75)	Nhà ông Y Kher Niê (thửa đất 53. TBĐ số 69)	480.000
	Đoạn từ hết trụ sở UBND xã Pong Drang (cũ) đến ngã ba công tố dân phố 5 (thôn Tân Lập 6 cũ)	Dãy 1		864.000
		Dãy 2		648.000
	Đoạn từ hết ngã ba công tố dân phố 5 (thôn Tân Lập 6 cũ) đến hết ngã ba đường đi Tỉnh lộ 8	Dãy 1		1.200.000
		Dãy 2		960.000
		Nhà ông Nguyễn Văn Nguyệt (thửa đất 141. TBĐ số 7)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Hữu Phước (thửa đất 169. TBĐ số 74)	780.000
		Nhà bà Phạm Thị Rây (thửa đất 330. TBĐ số 68)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Huỳnh Thanh Anh (thửa đất 329. TBĐ số 74)	780.000
	Đoạn từ hết ngã ba Tỉnh lộ 8 đến Công văn hóa tổ dân phố 10 (thôn 9 mới)	Dãy 1		864.000
		Dãy 2 (vào sâu <= 250m)		660.000
		Nhà ông Nguyễn Xuân Tình (thửa đất 86. TBĐ số 67)	Nhà ông Nguyễn Phi Thịnh (thửa đất 81. TBĐ số 62)	324.000
	Đoạn từ hết công văn hóa tổ dân phố 10 đến hết trụ sở UBND huyện cũ	Dãy 1		420.000
		Dãy 2		324.000
	Từ hết trụ sở UBND huyện cũ đến hết Trung tâm dạy nghề	Dãy 1		744.000
		Dãy 2		540.000
		Từ đầu ranh giới thửa đất 50. TBĐ số 62 (bà Nguyễn Thị Hội) đến hết ranh giới thửa đất 08. TBĐ số 62 (ông Nguyễn Trọng Hữu)		480.000
		Từ đầu ranh giới thửa đất 116. TBĐ số 32 (bà Trần Thị Thanh) đến hết ranh giới thửa đất 36. TBĐ số 32 (ông Lê Xuân Trình)		444.000
6	Đường buôn Ea Tút đi xã Ea Ngai	Ngã ba Ba Tài	Ngã ba Ba Tài+ 100m	780.000
		Ngã ba Ba Tài + 100m	Ngã ba Ba Tài + 500m	576.000
		Ngã ba Ba Tài + 500m	Cầu Ea Tút	432.000
7	Đường đầu nối	Từ đầu ranh giới thửa	Hết ranh giới thửa đất	480.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất điều chỉnh
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	dãy 1 và dãy 2	đất nhà ông Đào Viết Thắng. dãy 1 (thửa đất 32. tđ số 68)	nhà bà Nguyễn Thị Hạnh thuộc tổ dân phố 9 (thửa đất 95. tđ số 62)	
8	Khu đấu giá			0
	Các đường song song với Quốc lộ 14	Dãy 1		936.000
		Dãy 2		715.000
		Dãy 3		689.000
	Các đường tiếp giáp với quốc lộ 14	Quốc lộ 14	Hết khu đấu giá	1.200.000
	Đường nối dãy 1 và dãy 3			806.000
9	Khu vực còn lại			242.000

8. Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

9. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn và đô thị được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.

10. Bảng giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất được quy định theo giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở. Đối với đất xây dựng công trình sự nghiệp được Nhà nước cho thuê đất: quy định bằng 80% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh,

11. Bảng giá đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh được quy định bằng 60% của giá đất ở liền kề đã được quy định theo bảng giá đất ở và được điều chỉnh chiều sâu của thửa đất (hoặc khu đất) theo quy định của UBND tỉnh.